

Thành phố thông minh: xu hướng tất yếu đảm bảo cho phát triển bền vững và một số đề xuất đối với Việt Nam

Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, các quốc gia đã triển khai việc xây dựng thành phố thông minh với ứng dụng các thành tựu công nghệ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và bảo vệ môi trường. Bất bảo đảm trình bày thực tiễn xây dựng thành phố thông minh trên thế giới và những kết quả đạt được đã chứng minh xu thế này đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của các quốc gia trước những thách thức của quá trình đô thị hóa nhanh chóng hiện nay. Trên cơ sở đó, bài báo đã đưa ra một số đề xuất cho quá trình xây dựng thành phố thông minh bền vững ở Việt Nam.

1. Mở đầu

Trên phạm vi thế giới, vấn đề đô thị đã gia tăng nhanh, mạnh mẽ và trở thành những điểm nhấn cần được nghiên cứu cẩn trọng, để có phương cách tiếp cận phù hợp và hiệu quả, nhằm đảm bảo được mục tiêu tăng trưởng bền vững gắn với phát triển con người. Bên cạnh đó, với sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, việc xây dựng thành phố thông minh đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu đối với tất cả các quốc gia. Hơn nữa, khi nghiên cứu, thiết lập xây dựng và vận hành trên thực tiễn, thành phố thông minh được xem là một phương thức hữu hiệu góp phần đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững của các nước trên thế giới hiện nay.

2. Xây dựng thành phố thông minh nhằm đảm bảo cho phát triển bền vững của các quốc gia

Trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, quá trình đô thị hóa đang diễn ra ngay một gia tăng nhanh chóng đã đặt ra nhiều thách thức: khủng hoảng kinh tế, ô nhiễm môi trường, gia tăng dịch bệnh,... đối với mục tiêu phát triển bền vững của các nước trên toàn cầu. Trước bối cảnh đó và sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, các quốc gia đã bắt đầu triển khai việc xây dựng các thành phố thông minh để giải quyết những thách thức đặt ra đối với các đô thị. Xu thế này bước đầu đã được xem là cách thức hợp lý góp phần đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của tất cả các quốc gia.

Khái niệm thành phố thông minh được biết đến từ năm 2009 với khởi nguồn của đề xuất của Tập đoàn IBM (Hoa Kỳ), song cho đến nay, thế giới vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về thành phố thông minh. Tuy nhiên, có thể hiểu thành phố thông minh là mô

hình thành phố ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo để quản lý, nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống đô thị, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố và sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo tính hiệu quả, bền vững của mọi lĩnh vực góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

Tại thành phố thông minh, CNTT và truyền thông được ứng dụng và làm cho công việc xây dựng, quản lý và phát triển thành phố hiệu quả và thông minh hơn; cung cấp dịch vụ, tiện ích tới người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Các đô thị trên thế giới phải có 5 thành tố cốt lõi để xây dựng thành phố thông minh: Chất lượng bền vững, Tiết kiệm năng lượng, Tiết kiệm tài nguyên, Bảo vệ môi trường và Bảo vệ sức khỏe con người.

Mục tiêu chính của thành phố bền vững thông minh là nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên nhiều khía cạnh và qui mô khác nhau, thông qua việc cung cấp và tiếp cận với các nguồn tài nguyên nước, năng lượng, giao thông và di động, giáo dục, y tế, môi trường, quản lý chất thải, nhà ở, công an việc làm và sử dụng CNTT. Với hệ thống đô thị ngày càng phức tạp và qui mô gia tăng liên tục, công nghệ thông tin có thể coi như một nền tảng quan trọng để vượt qua những thách thức và tận dụng các cơ hội mới, hướng tới sự phát triển thông minh và bền vững.

3. Xu hướng xây dựng thành phố thông minh của các quốc gia trên thế giới

Phát triển đô thị — thành phố thông minh đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng, môi trường, xã hội nhằm góp phần tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Do đó, các quốc gia trên thế giới đã và đang đẩy mạnh tiến

em, người tàn tật, các nhóm dân tộc thiểu số và khu vực nông thôn (Klassen, 2010). Khai niệm này có một hàm ý rất quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách theo nghĩa rằng nó yêu cầu một sự thay đổi từ việc tập trung vào người nghèo như là đối tượng hưởng lợi từ tăng trưởng (ví dụ như thông qua hỗ trợ về thu nhập) sang việc đảm bảo cho họ (và những nhóm dễ bị tổn thương khác) tham gia và đóng góp một cách chủ động vào quá trình tăng trưởng (ví dụ thông qua lao động).

Một điểm khác biệt giữa tăng trưởng vì người nghèo và tăng trưởng bao trùm là trong khi tăng trưởng vì người nghèo có sự tập trung truyền thống vào việc đo lường tác động của tăng trưởng tới việc giảm nghèo sử dụng các chỉ số đo lường nghèo khác nhau thì tăng trưởng bao trùm lại tập trung vào phương thức để tăng tốc độ của tăng trưởng thông qua việc tối ưu hóa tất cả các thành phần trong lực lượng lao động, những người đang tham gia vào các hoạt động công thì tăng trưởng bao hàm lại tập trung vào phương thức để tăng tốc độ của tăng trưởng thông qua việc tối ưu hóa tất cả các thành phần trong lực lượng lao động.

3. Kiến tạo tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam: thách thức từ ngân sách nhà nước

Trong ba thập kỷ vừa qua, xoá đói giảm nghèo luôn là lĩnh vực đạt được nhiều thành công ấn tượng trong quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam. Cùng với phát triển kinh tế cao là hàng loạt các chính sách giảm nghèo được triển khai đồng bộ ở tất cả các cấp với nguồn kinh phí huy động từ Chính phủ, cộng đồng và các tổ chức xã hội quốc tế đã cải thiện đáng kể diện mạo nghèo đói ở tất cả các vùng miền trong cả nước.

Việt Nam đã trở thành một trong số những nước đi đầu ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong áp dụng phương pháp đo lường nghèo đa chiều để giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh. Trong Kế hoạch phát triển Kinh tế Xã hội (2016-2020), Việt Nam đã đặt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân cả nước là 1%-1,5%/năm và nâng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm. Việc sử dụng chuẩn nghèo quốc gia không những là cần thiết cho việc xây dựng các chính sách, chương trình giảm nghèo và cho công tác giám sát nghèo ở Việt Nam mà còn giúp Việt Nam theo dõi tiến độ trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDG).

Mặc dù đã có những thành tựu giảm nghèo ấn tượng, những kết quả này là không đồng đều giữa các vùng miền, nhóm dân tộc và giữa thành thị/nông thôn. Điều đó cũng có nghĩa là vẫn có những thách thức đối với mô hình tăng trưởng giảm nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo trong đó ngân sách Nhà nước không thể đủ để tiếp tục tài trợ các chương trình tái phân phối thu nhập trực tiếp cho người nghèo trong

mô hình tăng trưởng giảm nghèo như hiện nay.

Một đặc điểm rất quan trọng của tăng trưởng vì người nghèo là tăng trưởng vì người nghèo chủ yếu quan tâm tập trung vào phúc lợi của người nghèo thông qua các chương trình tái phân phối trực tiếp lại thu nhập. Trong ngắn hạn, việc tái phân bố trực tiếp thu nhập như vậy có thể giúp giảm bớt tác động tiêu cực của các cú sốc tới người nghèo, tuy nhiên việc làm này không thể là câu trả lời và giải pháp giảm nghèo trong dài hạn, mà thậm chí còn có tác động tiêu cực ngay trong ngắn hạn, đặc biệt đối với các nước nghèo, các nước đang chuyển đổi như Việt Nam. Bởi vì, trong ngắn hạn đối với các nước này khi mà ngân sách vốn đã rất hạn hẹp thì chính sự chuyển tiền như vậy sẽ tạo nên một gánh nặng lớn tới ngân sách quốc gia và do đó về mặt lý thuyết thì những gánh nặng như vậy sẽ là bất khả thi cho quá trình giảm nghèo đối với Việt Nam.

Tổng mức chi cho an sinh xã hội ở Việt Nam tính đến năm 2020 sẽ tăng lên đáng kể, tuy nhiên tỷ lệ đóng góp trực tiếp từ ngân sách nhà nước tính theo GDP sẽ giảm xuống đáng kể (Bảng 1). Điều này hoàn toàn phù hợp với sự chuyển dịch từ các biện pháp tài trợ trực tiếp từ ngân sách sang các biện pháp tài trợ ngoài ngân sách đặc biệt là từ phía thị trường lao động trong mô hình tăng trưởng bao trùm sẽ được phân tích ở phần sau. Đặc biệt trong điều kiện do tính chi Ngân sách Nhà nước của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2006-2011 không chỉ gia tăng nhanh về quy mô giá trị tuyệt đối mà còn đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với tổng thu ngân sách Nhà nước trong cùng kỳ, nên về cơ bản cần đổi ngân sách Nhà nước của Việt Nam thường rơi vào tình trạng thâm hụt cán cân ngân sách triền miên. Do đó, vấn đề thâm hụt ngân sách là một vấn đề lớn trong dài hạn của Việt Nam và sẽ không có nhiều dự dự về ngân sách cho sự tái phân bố trực tiếp thu nhập cho người nghèo trong các chương trình giảm nghèo theo mô hình tăng trưởng giảm nghèo như trước đây.

Bảng 1: Nguồn lực tài chính từ NSNN cho ASXH trong các giai đoạn

	Giai đoạn 2004-2008		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020	
	ty đồng	%	ty đồng	%	ty đồng	%
Tổng nguồn lực cho ASXH	221.000	100,0	821.800	100,0	1.437.000	100,0
Trong đó: trợ thu ngân sách từ NSNN	144.900	65,1	301.200	37,0	418.900	29,0
Trung bình	29.200		60.300		84.000	
% trong bình tính theo NSNN		10,0		8,7		7,6
% trong bình tính theo GDP		3,2		2,7		2,3

Nguồn: Dự thảo chiến lược ASXH 2011 - 2015 (Ban thảo luận thứ 4)

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Bên cạnh những thành tựu của Việt Nam trong vấn đề giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế trong suốt hơn 3 thập niên qua, vẫn còn rất nhiều thách thức mà Việt Nam cần phải giải quyết nếu không muốn những yếu tố này trở thành vật cản đối với sự nghiệp phát triển